TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 282/2024/HS-ST
Ngày: 27-11-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Văn Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thành Viên.

2. Bà Võ Thị M.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2024 tại Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 266/2024/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 330/2024/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Đức T; sinh ngày 20/7/2000, tại Bình Định. Nơi ĐKNKTT: Tổ M, khu phố M, phường Nhơn B, thành phố QN, tỉnh Bình Định. Chỗ ở: đường Nguyễn Thái Sơn, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1972 và bà Trần Thị Anh Đ, sinh năm 1976; chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không; tạm giữ, tạm giam ngày: 26/12/2024; (Có mặt).

2. Nguyễn Quốc T; sinh ngày 22/04/1987, tại Cà Mau. Nơi ĐKNKTT: Số B khu tập thể biên phòng, đường Nguyễn K, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Chỗ ở: Số B khu tập thể biên phòng, đường Nguyễn K, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Sửa điện thoại; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1951; có vợ: Hồ Thị Thủy N, sinh năm 1986 và có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Chị Huỳnh Thị Xuân M, sinh năm 2001. Địa chỉ: đường MM, Kp C, phường Trường T, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

2. Chị Trần Nguyễn Thu H, sinh năm 2005. Địa chỉ: đường NB, phường Hiệp Bình C, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

3. Anh Trần Quang D, sinh năm 2005. Địa chỉ: Bùi Đình T, phường HB, quận Bình T, Tp. Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh M Văn B, sinh năm 1985. Địa chỉ: Phan Cát T, phường An Lạc A, quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

- Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1972. Địa chỉ: Tổ M KpM, phường Nhơn B, Quy Nhơn, Bình Định (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đức T là sinh viên mới tốt nghiệp của Trường Đại H Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, trong thời gian học tập tại trường, T phát hiện các sinh viên khi học tại Thư viện trường sơ hở, không bảo quản tài sản, nên vào các ngày 24 – 26/10/2023, tại trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh (Địa chỉ số MH đường Nguyễn Văn B, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh), Nguyễn Đức T đã thực hiện 03 lần trộm cắp tài sản. Cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 24/10/2023, Nguyễn Đức T trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 13 ProMax, màu trắng của chị Trần Nguyễn Thu H. Sau khi ra khỏi trường, T đăng nhập google tìm người mua tại trang facebook "Thu mua điện thoại cũ giá cao". Nguyễn Đức T sử dụng điện thoại Iphone 6s plus số sim 0372788789 liên hệ vào số điện thoại 0941144644 gặp Nguyễn Quốc T. T trao đổi với T về việc bán thoại Iphone 13 ProMax nhặt được bị khóa icloud và mật khẩu với giá 6.000.000 đồng, T đồng ý mua. Nguyễn Quốc T phát hiện điện thoại bị trầy xước ở viền nên chỉ mua với giá 5.500.000 đồng thì Nguyễn Đức T đồng ý bán.

Kết luận định giá tài sản số 220/KL-HĐĐGTS ngày 15/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận G xác định: 01 (một) điện thoại di động Iphone 13 ProMax, dung lượng 256GB, đã qua sử dụng có giá là 17.333.333 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 25/10/2023, Nguyễn Đức T trộm cắp của chị Huỳnh Thị Xuân M một chiếc điện thoại di động Iphone 14ProMax, màu gold, dung lượng 256GB và một cục xạc dự phòng không dây màu đen. Sau đó, Nguyễn Đức T tiếp tục gọi điện thoại vào số 0941144644 để gặp T trao đổi về việc bán hộ bạn vừa nhặt được một chiếc điện thoại Iphone 14 ProMax, màu gold với giá 8.000.000 đồng thì T đồng ý mua. Nguyễn Quốc T nhờ Nguyễn Hoàng D đến chỗ hẹn gặp Nguyễn Đức T lấy điện thoại. T đã nhờ một người bạn tên H (không rõ nhân thân) chuyển vào tài khoản của Nguyễn Đức T

số tiền 8.300.000 đồng và nhờ vợ là Hồ Thị Thủy N chuyển cho T 200.000 đồng. Tổng số tiền T đã chuyển cho T là 8.500.000 đồng.

Tối ngày 25/10/2023, T mở nguồn điện thoại Iphone 14 promax để kiểm tra thì phát hiện điện thoại có hiển thị thông báo "điện thoại này bị mất xin liên hệ với số điện thoại ….." lúc này T biết điện thoại T bán là điện thoại gian, có nguồn gốc không rõ ràng nên T nhanh chóng lên mạng xã hội facebook vào nhóm thu mua xác điện thoại tìm người không rõ lai lịch bán chiếc điện thoại Iphone 14 promax với giá 8.000.000 đồng và chiếc điện thoại 13 promax với giá 5.000.000 đồng. T đã tự nguyện nộp lại số tiền 13.000.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số 221/KL-HĐĐGTS ngày 15/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận G xác định: 01 (một) điện thoại di động Iphone 14 ProMax, dung lượng 256GB, đã qua sử dụng có giá là 20.666.667 đồng; 01 (một) sạc dự phòng không dây hiệu Baseus 20W, đã qua sử dụng có giá 100.000 đồng.

Lần thứ ba: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 26/10/2023, Nguyễn Đức T trộm cắp của anh Trần Quang D một điện thoại di động hiệu Iphone X. T liên hệ với M Văn B qua số điện thoại 0974443320, T nói là điện thoại nhặt được đang bị khóa icloud và mật khẩu thì B đồng ý mua với giá 1.000.000 đồng. M Văn B bận công việc nên đã nhờ dịch vụ grap đến gặp T để lấy điện thoại tại trước nhà đường Trần Thị N, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Kết luận định giá tài sản số 222/KL-HĐĐGTS ngày 15/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận G xác định: 01 (một) điện thoại Iphone X, dung lượng 64GB, đã qua sử dụng có giá là 4.833.333 đồng.

Ngày 30/10/2023, Nguyễn Đức T tiếp tục đến Phòng thư viện tại tầng 2, khu nhà A, trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh thì bị nhân viên nhà trường giữ lại và trình báo Công an.

Vật chứng vụ án:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6s Plus thu của Nguyễn Đức T;
- 01 (một) điện thoại di động Iphone X, màu đen là điện thoại của anh Trần Quang D, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận G đã quyết định xử lý vật chứng, trả lại tài sản cho anh D;
- 01 (một) cục xạc dự phòng không dây, màu đen, có chữ Baseus- 20W của chị Huỳnh Thị Xuân M, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận G đã quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chị M;
- 01 (một) quần kaki màu đen; 01 (một) quần kaki màu trắng kem; 01 (một) áo sơ mi ngắn tay màu xanh da trời; 01 (một) áo sơ mi ngắn tay màu đen; 01 (một) áo thun ngắn tay màu trắng; 01 (một) đôi dép sandal; 01 (một) balo màu đen; 01 (một) túi đeo chéo màu đen, thu giữ của Nguyễn Đức T;
- 13.000.000 (mười ba triệu) đồng tiền do bị cáo Nguyễn Quốc T tự nguyện nộp lại.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận G đã nhập kho theo Phiếu nhập kho vật chứng số 60/PNK ngày 14/3/2024 và Phiếu nhập kho vật chứng số 291/PNK ngày 04/11/2024 để xử lý theo quy định.

Đối với M Văn B là người mua điện thoại di động Iphone X của Nguyễn Đức T nhưng không biết điện thoại do T phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý anh B về hành vi "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Đối với Nguyễn Hoàng D, Hồ Thị Thủy N, người tên H (không rõ lai lịch) là người giúp T mua điện thoại Iphone 14 ProMax của Nguyễn Đức T nhưng không biết điện thoại của T do phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý đồng phạm với Nguyễn Quốc T về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Bị hại chị Huỳnh Thị Xuân M và chị Trần Nguyễn Thu H đã được gia đình T bồi thường số tiền tương đương với tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu thường thiệt hại và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Nguyễn Đức T.

Bị hại Trần Quang D nhận lại được tài sản, không yêu thường thiệt hại và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Nguyễn Đức T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan M Văn B không yêu cầu Nguyễn Đức T bồi thường thiệt hại.

Bị cáo Nguyễn Quốc T không yêu cầu bị cáo Nguyễn Đức T bồi thường thiệt hại.

Tại bản cáo trạng số 292/CT-VKS-GV, ngày 25/09/2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức T về tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo Nguyễn Quốc T về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Đức T, Nguyễn Quốc Trường đã khai nhận toàn hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định truy tố, hành vi của bị cáo Nguyễn Đức T đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Hành vi của bị cáo Nguyễn Quốc Trường đủ yếu tố cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Đồng thời:

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T mức án từ 12 tháng đến 18 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Miễn phạt bổ sung cho bị cáo.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

Về hình phạt bổ sung: Miễn phạt bổ sung cho bị cáo.

Đề nghị xử lý vật chứng:

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đức T:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6s Plus thu của Nguyễn Đức T;

- 01 (một) quần kaki màu đen; 01 (một) quần kaki màu trắng kem; 01 (một) áo sơ mi ngắn tay màu xanh da trời; 01 (một) áo sơ mi ngắn tay màu đen; 01 (một) áo thun ngắn tay màu trắng; 01 (một) đôi dép sandal; 01 (một) balo màu đen; 01 (một) túi đeo chéo màu đen, thu giữ của Nguyễn Đức T.

+ Buộc bị cáo Nguyễn Đức T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

+ Buộc bị cáo Nguyễn Quốc T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Nguyễn Đức T, Nguyễn Quốc T không trình bày lời bào chữa và không tranh luận gì.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo đã nhận biết được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo ăn năn hối cãi và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về việc vắng mặt của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa: Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Trong hồ sơ vụ án thể hiện: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã trình bày lời khai, không còn yêu cầu gì thêm, vì vậy căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về tội danh: Tại phiên toà hôm nay, sau khi Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G công bố bản cáo trạng thì các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Đối chiếu lời khai các bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại, cùng với tang vật đã thu giữ, phù hợp với

kết luận điều tra của cơ quan Công an quận G, với bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận G và với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định:

- Đối với tội "Trộm cắp tài sản"

Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 24/10/2023, tại Thư viện của trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh (Địa chỉ đường Nguyễn Văn B, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh), Nguyễn Đức T trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 13 ProMax, màu trắng của chị Trần Nguyễn Thu H đã qua sử dụng trị giá là 17.333.333 đồng.

Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 25/10/2023, cũng tại địa điểm trên, Nguyễn Đức T trộm cắp của chị Huỳnh Thị Xuân M 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 14ProMax, màu gold, dung lượng 256GB đã qua sử dụng trị giá 20.666.667 đồng và 01 (một) sạc dự phòng không dây hiệu Baseus 20W, đã qua sử dụng có giá 100.000 đồng.

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 26/10/2023, cũng tại địa điểm trên, Nguyễn Đức T trộm cắp của anh Trần Quang D một điện thoại di động hiệu Iphone X đã qua sử dụng trị giá là 4.833.333 đồng.

Do đó, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở pháp lý để cho rằng hành vi của Nguyễn Đức T đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Cáo trạng số 292/CT-VKS-GV, ngày 25/09/2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận G đã truy tố bị cáo T về tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

- Đối với tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"

Nguyễn Quốc T mua 02 chiếc điện thoại của Nguyễn Đức T, một chiếc Iphone 13 ProMax màu trắng (do T chiếm đoạt của chị Trần Nguyễn Thu H) và một chiếc Iphone 14 ProMax màu trắng (do T chiếm đoạt của chị Huỳnh Thị Xuân M). Sau khi phát hiện hai chiếc điện thoại trên là điện thoại gian, do T phạm tội mà có, lẽ ra T phải trình báo và giao nộp lại cho cơ quan công an. Nhưng T chỉ gọi cho T nói sau này đừng gọi bán cho T nữa, rồi nhanh chóng mang đi bán nhằm thu lợi. Hành vi của T đã phạm vào tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý hành chính của Nhà nước, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo T là gián tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Vì vậy,

việc xử lý các bị cáo bằng biện pháp hình sự là hết sức cần thiết và đúng quy định của pháp luật.

[3.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo T phạm tội 03 lần, bị cáo T phạm tội 02 lần, nên đây là tình tiết tăng nặng "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[3.3] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo T: Tại cơ quan điều tra cũng như qua diễn biến phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tự nguyện khắc phục hậu quả, bản thân bị cáo có thành tích xuất sắc trong học tập (Tốt nghiệp đại học loại giỏi) để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đối với bị cáo T: Tại cơ quan điều tra cũng như qua diễn biến phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã tự nguyện giao nộp lại số tiền 13.00.000 đồng thu lợi bất chính để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Về hình phạt chính: Căn cứ vào nhân thân của các bị cáo; tính chất, mức độ nguy hiểm, hậu quả do hành vi bị cáo gây ra và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Đối với bị cáo Nguyễn Đức T: Bị cáo T phạm tội ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 26/12/2023, tính đến ngày xét xử, bị cáo đã bị tạm giam 11 tháng 01 ngày. Hội đồng xét xử xét thấy khoảng thời gian tạm giam này cũng đủ có tác dụng răn đe và cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội. Nên cần xử bị cáo thời hạn tù bằng thời hạn tạm giam.

- Đối với bị cáo Nguyễn Quốc T: Hành vi của bị cáo T ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt, có khả năng tự cải tạo. Hơn nữa, hành vi của bị cáo ngay lập tức mang 02 chiếc điện thoại đi bán là vì hám lợi, nên việc áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo cũng đủ có tác dụng răn đe và cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội, mà không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội.

Xét thấy mức đề nghị hình phạt của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

Về hình phạt bổ sung:

Đối với bị cáo T, xét hoàn cảnh bị cáo là sinh viên mới ra trường chưa có công việc nên xét miễn cho bị cáo hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Đối với bị cáo T, theo quy định tại khoản 5 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền. Tuy nhiên, căn cứ Điều 32 Bộ luật hình sự năm 2015 do hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa các bị hại là chị Trần Nguyễn Thu H, chị Huỳnh Thị Xuân M và anh Trần Quang D vắng mặt nhưng qua hồ sơ thể hiện chị H và chị M đã nhận bồi thường từ người nhà bị cáo T, anh Duy đã nhận lại được tài sản bị chiếm đoạt. Chị H, chị M, anh Duy không có yêu cầu gì khác, không có thắc mắc khiếu nại gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh M Văn Bé vắng mặt nhưng qua hồ sơ thể hiện anh Bé không yêu cầu bị cáo Nguyễn Đức T phải bồi thường số tiền anh Bé đã bỏ ra mua chiếc điện thoại do T chiếm đoạt của anh Duy, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H (là cha ruột của bị cáo T) đã thay bị cáo khắc phục hậu quả cho người bị hại là chị Trần Nguyễn Thu H và chị Huỳnh Thị Xuân M. Ông H không yêu cầu bị cáo T phải trả lại số tiền này, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị cáo T không yêu cầu bị cáo T phải bồi thường lại số tiền đã bỏ ra mua hai chiếc điện thoại do T chiếm đoạt của chị H, chị M, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng và tài sản:

- Đối với số tiền 13.000.000 đồng, xét thấy đây là khoản tiền bị cáo T thu lợi bất chính từ việc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6s Plus thu của Nguyễn Đức T, xét thấy không phải là pH tiện bị cáo T dùng vào việc trộm cắp tài sản, nên tuyên trả lại cho bị cáo T.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động Iphone X, màu đen là điện thoại của anh Trần Quang Duy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận G đã quyết định xử lý vật chứng, trả lại tài sản cho anh Duy. Hội đồng xét xử nhận thấy việc trả lại tài sản đó là đúng quy định của pháp luật và không ảnh hưởng đến nội dung vụ án nên tại phiên tòa không đưa ra xem xét lại.

- Đối với 01 (một) cục xạc dự phòng không dây, màu đen, có chữ Baseus-20W của chị Huỳnh Thị Xuân M, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận G đã quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chị M. Hội đồng xét xử nhận thấy việc trả lại tài sản đó là đúng quy định của pháp luật và không ảnh hưởng đến nội dung vụ án nên tại phiên tòa không đưa ra xem xét lại.

- Đối với 01 (một) quần kaki màu đen; 01 (một) quần kaki màu trắng kem; 01 (một) áo sơ mi ngắn tay màu xanh da trời; 01 (một) áo sơ mi ngắn tay màu đen; 01 (một) áo thun ngắn tay màu trắng; 01 (một) đôi dép sandal; 01 (một) balo

màu đen; 01 (một) túi đeo chéo màu đen, thu giữ của bị cáo Nguyễn Đức T. Xét thấy đây là quần áo bị cáo T mặc khi thực hiện hành vi phạn tội, bị cáo không có yêu cầu nhận lại, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 USB chứa nội dung hình ảnh liên quan vụ "Trộm cắp tài sản" xảy ra tại thư việc của trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh (Địa chỉ đường Nguyễn Văn B, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh), xét thấy đây là ghi hình ghi nhận lại sự việc bị cáo T trộm cắp tài sản là chứng cứ vụ án, Hội đồng xét xử quyết định tịch thu, lưu theo hồ sơ vụ án.

[7] Về các vấn đề khác:

Đối với anh Nguyễn Văn B mua điện thoại của bị cáo T, anh B không biết điện thoại này là do T trộm cắp mà có. Lời khai của anh B phù hợp với lời khai của bị cáo T nên không đủ cơ sở xử lý về hành vi "Tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có" là có cơ sở.

Đối với Nguyễn Hoàng D, Hồ Thị Thủy N, người tên H (không rõ lai lịch) là người giúp T mua điện thoại Iphone 14 ProMax của Nguyễn Đức T nhưng không biết điện thoại của T do phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý đồng phạm với Nguyễn Quốc T về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là có cơ sở.

[8] Về án phí sơ thẩm:

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[9] Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[10] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh đối với các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và hình phạt đề nghị áp dụng đối với các bị cáo phù hợp với quy định pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 5 Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 11 (mười một) tháng 01 (một) ngày tù. Thời hạn tù bằng với thời hạn tạm giam.

Trả tự do cho bị cáo T tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc T phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Phạt tiền bị cáo Nguyễn Quốc T 40.000.000 đồng.

Căn cứ Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106; Khoản 2 Điều 136; Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

- Tịch thu, nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 13.000.000 đồng do bị cáo T thực hiện hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

(Theo phiếu nhập kho vật chứng số 291/PNK ngày 04/11/2024 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận G)

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đức T 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6s Plus;

- Tịch Thu, tiêu hủy: 01 (một) quần kaki màu đen; 01 (một) quần kaki màu trắng kem; 01 (một) áo sơ mi ngắn tay màu xanh da trời; 01 (một) áo sơ mi ngắn tay màu đen; 01 (một) áo thun ngắn tay màu trắng; 01 (một) đôi dép sandal; 01 (một) balo màu đen; 01 (một) túi đeo chéo màu đen, thu giữ của bị cáo Nguyễn Đức T.

(Theo phiếu nhập kho vật chứng số 60/PNK ngày 14/03/2024 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận G)

Lưu hồ sơ vụ án: 01 USB chứa nội dung hình ảnh liên quan vụ "Trộm cắp tài sản" xảy ra tại Thư viện của trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh (đã lưu theo hồ sơ vụ án).

Bị cáo Nguyễn Đức T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Quốc T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Về quyền kháng cáo. Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án. Bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014);

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- Viện kiểm sát Q. G;
- Thi hành án Q. G;
- Công an Q. G;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người liên quan;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Tô Văn Mạnh